TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN K,** **TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------

Bản án số: 48/2022/HNGĐ - ST
Ngày: 27/9/2022
Về việc:"Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH NINH BÌNH.

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán: - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Khanh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Nghi và ông Vũ Đức Bính.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Lan, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Doan – Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 157/2022/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 06 năm 2022 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 35/2022/QĐST- HNGĐ ngày 07 tháng 09 năm 2022 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn**: Chị Nông Thùy T, sinh năm 2000.

Nơi ĐKHKTT: Xóm P, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

Hiện tạm trú tại địa chỉ: Thôn N, xã M, huyện S, tỉnh Tuyên Quang; vắng mặt.

- **Bị đơn**: Anh Phan Văn T1, sinh năm 1995. ĐKHKTT và trú tại: Xóm P, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

Chị T có đơn xin xét xử vắng mặt; anh T1 vắng mặt lần 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các văn bản khác có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn là chị Nông Thùy T trình bày: Chị và anh T1 sau thời gian tự do tìm hiểu đã tự nguyện kết hôn với nhau. Đăng ký kết ngày 14 tháng 05 năm 2020 tại UBND xã M, huyện S, Tỉnh Tuyên Quang. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do trong cuộc sống luôn bất đồng quan điểm, mặt khác anh T1 có biểu hiện quan hệ bất chính với người phụ nữ khác nên vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Do cuộc sống chung không có hạnh phúc nên từ đầu năm 2022 chị Trang đã về nhà bố mẹ đẻ ở Tuyên Quang để làm ăn sinh sống đồng thời anh chị sống ly thân mỗi người một nơi.

Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng không thể khắc phục được nên chị có đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh T1 để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị và anh T1 có một con chung cháu Phan Chúc L, sinh ngày 27 tháng 11 năm 2020. Hiện đang do chị trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Nay ly hôn do cháu L còn nhỏ chị đề nghị Tòa án giao cháu L cho chị tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng. Chị không yêu cầu anh T1 có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với cháu L.

Về tài sản chung và công nợ chung: Chị và anh T1 không có tài sản chung và công nợ. Nay ly hôn chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Bị đơn trong vụ án là Phan Văn T1 hiện đang cư trú tại xóm P, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Tòa án nhân dân huyện K đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án cho anh T1 và giao các tài liệu chứng cứ theo đề nghị của nguyên đơn, tống đạt các văn bản tố tụng, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho anh T1 thông qua bố đẻ anh là ông Phan Văn K. Anh T1 biết việc chị T đang có đơn khởi kiện ly hôn đối với anh, nhưng anh T1 không có mặt làm việc tại Tòa án và cũng không có văn bản ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng không có ý kiến của mình đối với những vấn đề cần giải quyết trong vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

1. Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật Tố tụn g dân sự. Bị đơn không chấp hành và thực hiện các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự

2. Về việc giải quyết vụ án : Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình ; Điều 144 khoản 4 Điều 147 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nông Thùy T ly hôn anh Phan Văn T1.
- Về con chung: Giao cháu Phan Chúc L, sinh ngày 27 tháng 11 năm 2020 cho chị Nông Thùy T tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi các con chung thành niên. Anh T1 không có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với con chung và có quyền đi lại thăm nom con chung. Không bên nào được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc con chung.
- Án phí: Chị Nông Thùy T nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nông Thùy T có đơn khởi kiện về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" với anh Phan Văn T1 hiện đang cư trú tại: Xóm P, xã k, huyện

K, tỉnh Ninh Bình nên Tòa án nhân dân huyện K thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1, Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa vắng mặt chị Nông Thùy T, chị T có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh Phan Văn T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt không có lý do. Do vậy để đảm bảo quyền lợi của các đương sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nông Thùy T và anh Phan Văn T1 có đăng ký kết hôn ngày 14 tháng 05 năm 2020 tại UBND xã M, huyện S, Tỉnh Tuyên Quang. Như vậy quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh T1 là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống tại xã K. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập các đương sự đến tham gia hòa giải tại tạo điều kiện cho các bên có cơ hội hòa giải hàn gắn tình cảm vợ chồng, nhưng anh T1 đã không có mặt để làm việc điều đó thể hiện thái độ bỏ mặc không thiện trí trong việc cùng nhau giải quyết mâu thuẫn dẫn đến việc Tòa án đã không thể tiến hành hòa giải được vụ án.

Căn cứ vào biên bản xác minh tại UBND xã K xác định: Anh T1 là công dân của xã hiện đang cư trú và sinh sống cùng bố mẹ đẻ là ông K, bà V tại xóm P, xã K. Sau thời gian tìm hiểu thì anh T1 kết hôn với chị T người ở tỉnh Tuyên Quang. Anh T1, chị T về sinh sống và làm ăn tại xã K. Quá trình chung sống anh chị có phát sinh mâu thuẫn do cuộc sống luôn bất đồng quan điểm, vì vậy đến tháng 3 năm 2022 chị T đưa con về T làm ăn sinh sống, từ đó đến nay không thấy chị T về sống cùng anh T1, chỉ có anh T1 ở cùng với bố mẹ đẻ tại xóm P, xã K. Về con chung chị T và anh T1 có một con chung cháu Phan Chúc L, sinh ngày 27 tháng 11 năm 2020 hiện đang do chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, về mức thu nhập của hai vợ chồng thì UBND xã không nắm được. Nay chị T xin ly hôn anh T1 đề nghị Tòa án căn cứ vào các tài liệu chứng cứ và các quy định của pháp luật để giải quyết.

Từ những tài liệu, chứng cứ nêu trên Hội đồng xét xử nhận thấy trong cuộc sống hôn nhân của chị T và anh T1 các bên có nhiều mâu thuẫn dẫn đến tình trạng hôn nhân đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

[3] Về con chung: chị T và anh T1 có một con chung Phan Chúc L, sinh ngày 27 tháng 11 năm 2020. Thời gian vợ chồng sống ly thân cháu L do chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và cũng đã đảm bảo được quyền lợi mọi mặt của cháu. Nay vợ chồng ly hôn do cháu L còn nhỏ dưới 36 tháng tuổi nên về nguyên tắc phải giao cho mẹ. Nay để không làm ảnh hưởng đến quyền lợi mọi mặt của con chưa thành niên trong vụ án hôn nhân gia đình căn cứ vào điều 82, 83 Hội đồng xét xử nhận thấy nay giao cháu Phan Chúc L cho chị T tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi con chung thành niên và tự lập được cuộc sống. Như vậy là phù hợp với các quy định của pháp luật cũng như đảm bảo quyền lợi của các bên đương sự trong vụ án.

Về vấn đề cấp dưỡng: Do chị T không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng đối với con chung, chị xác định mình có đủ điều kiện về vật chất và tinh thần để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của cháu L khi bố mẹ ly hôn. Việc chị T không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng đối với con chung là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, nhưng vẫn đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung. Do vậy vấn đề cấp dưỡng không đặt ra xem xét. Anh T1 có quyền đi lại thăm nom con chung và không bên nào được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc con chung.

[4] Về tài sản chung và công nợ chung: Chị T và anh T1 không có tài sản chung và công nợ. Do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 144. Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị Nông Thùy T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ để sung ngân sách nhà nước

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 144; khoản 4 Điều 147; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1/ Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nông Thùy T và anh Phan Văn T1.

2/ Về con chung: Giao cháu Phan Chúc L, sinh ngày 27 tháng 11 năm 2020 cho chị Nông Thùy T tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi con chung thành niên và tự lập được cuộc sống. Anh T không có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với con và có quyền đi lại thăm nom con chung. Không bên nào được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc con chung.

3/ Về án phí: Chị Nông Thùy T phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0004895 ngày 28 tháng 6 năm 2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện K, tỉnh Ninh Bình.

Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b Luật thi hành án dân

sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Bình.
- VKSND huyện K
- Chi cục THA dân sự huyện K
- UBND xã M, huyện S, Tỉnh Tuyên Quang
- Đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)
Trần Thị Khanh